

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 07/2024/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 22 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về lĩnh vực gia đình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 4037/TTr-SVHTTDL ngày 21 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về lĩnh vực gia đình của tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ pháp chế - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Q. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Nội vụ;
- Chánh, các Phó Chánh VP.UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS (1gb).

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Sơn Hùng



QUY ĐỊNH

**Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về
lĩnh vực gia đình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

(Kèm theo Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về lĩnh vực gia đình là lượng tiêu hao lao động, cơ sở vật chất, thiết bị, vật tư đối với một đợt tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về lĩnh vực gia đình.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan Nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc lập dự toán, quản lý kinh phí tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ về lĩnh vực gia đình (trừ cán bộ, công chức, viên chức) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Tiêu chí, tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

1. Về tổ chức và quản lý

Cơ quan, đơn vị, tổ chức cung cấp dịch vụ sự nghiệp công có chức năng nhiệm vụ phù hợp với hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công hoặc có ngành nghề đăng ký kinh doanh phù hợp với dịch vụ sự nghiệp công, có đội ngũ nhân lực đáp ứng các yêu cầu về nghiệp vụ chuyên môn.

2. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đảm bảo phù hợp các yêu cầu nghiệp vụ chuyên môn.

3. Về đội ngũ báo cáo viên và cán bộ quản lý

a) Các báo cáo viên tham gia báo cáo phải đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, đảm bảo thực hiện đầy đủ các nội dung, chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đội ngũ cán bộ quản lý có kinh nghiệm trong cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

4. Về chất lượng dịch vụ sự nghiệp công

a) Phù hợp với mục đích, yêu cầu, tính chất của dịch vụ sự nghiệp công.

b) Đảm bảo các yếu tố về nghiệp vụ chuyên môn:

- Học viên nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực gia đình.

- Học viên phải nắm được phương pháp xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức hoạt động liên quan đến lĩnh vực gia đình.

c) Đảm bảo tiết kiệm, an toàn, hiệu quả khi tổ chức.

Điều 3. Nội dung dịch vụ sự nghiệp công

1. Những vấn đề chung về lĩnh vực gia đình

a) Quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực gia đình.

b) Triển khai các hoạt động nghiệp vụ, nhiệm vụ, nội dung quản lý nhà nước đối với lĩnh vực gia đình.

c) Nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức các hoạt động lĩnh vực gia đình nâng cao hiệu quả hoạt động ở cơ sở.

2. Kỹ năng tổ chức hoạt động lĩnh vực gia đình ở cơ sở

a) Kỹ năng nghiệp vụ tuyên truyền cho đội ngũ cán bộ thực hiện công tác gia đình tại cơ sở.

b) Trang bị kiến thức kỹ năng để duy trì, nhân rộng các mô hình xây dựng gia đình văn hóa và phòng, chống bạo lực gia đình.

c) Khảo sát thực tế các mô hình hoạt động hiệu quả liên quan đến lĩnh vực gia đình.

3. Nội dung cung cấp dịch vụ cụ thể của từng lớp tập huấn theo chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Nội dung thực hiện dịch vụ sự nghiệp công

1. Xây dựng dự thảo kế hoạch.

2. Ban hành kế hoạch và công văn triệu tập học viên.

3. Ban hành các quyết định thành lập Ban Tổ chức, báo cáo viên và thư mời báo cáo viên, thư mời đại biểu dự khai mạc, bế mạc.

4. Biên tập tài liệu và triển khai công tác chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị, đáp ứng yêu cầu của dịch vụ sự nghiệp công.

5. Xây dựng chương trình tập huấn, khai mạc, bế mạc; xây dựng dự toán kinh phí tổ chức.

6. Thiết kế maket và in phong khai mạc, bế mạc, in ấn tài liệu, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn, giấy khen.

7. Tổ chức cung cấp dịch vụ công theo chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

8. Các công việc liên quan khác:

a) Thuê hội trường, phòng học; thuê thiết bị, dụng cụ phục vụ giảng dạy (đèn chiếu, máy vi tính, thiết bị khác), các dịch vụ điện, nước, vệ sinh, giữ xe.

b) Thuê xe ô tô tổ chức tập huấn, khảo sát thực tế.

c) Làm thêm ngoài giờ các công việc liên quan đến công tác tổ chức, công tác hậu cần, tổng hợp số liệu, thông tin của học viên, in giấy chứng nhận: Thực hiện theo quy định tại Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Công tác phí của giảng viên, quản lý, nhân viên phục vụ: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

đ) Thù lao Báo cáo viên: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 32/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 180/NQ-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

e) Thù lao quản lý lớp, nhân viên phục vụ: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐND; Nghị quyết số 32/2020/NQ-HĐND; Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND.

g) Báo cáo kết quả tổ chức tập huấn.

h) Thanh quyết toán kinh phí theo quy định tài chính hiện hành.

Điều 5. Giải thích từ ngữ

Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công, bao gồm các định mức: lao động, cơ sở vật chất, thiết bị, vật tư.

1. Định mức lao động là mức tiêu hao lao động cần thiết của người lao động để hoàn thành một khối lượng công việc của dịch vụ sự nghiệp công.

2. Định mức cơ sở vật chất là thời gian sử dụng và diện tích sử dụng để tổ chức một khối lượng công việc của dịch vụ sự nghiệp công.

3. Định mức thiết bị là mức tiêu hao đối với từng loại thiết bị để hoàn thành một khối lượng công việc của dịch vụ sự nghiệp công.

4. Định mức vật tư là mức tiêu hao từng loại nguyên, nhiên liệu cần thiết hoàn thành việc thực hiện dịch vụ sự nghiệp công.

Điều 6. Định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ lĩnh vực gia đình quy định đối với một đợt tập huấn trong điều kiện lớp tập huấn tối thiểu 100 học viên/lớp; thời gian tập huấn 01 buổi/lớp, nhưng đối đa không quá 04 buổi/lớp.

a) Số lượng thành viên quản lý lớp không quá 02 người/lớp/buổi.

b) Số lượng báo cáo viên: 01 báo cáo viên/buổi.

c) Số lượng nhân viên phục vụ: Hội trường, âm thanh, máy chiếu, giữ xe, vệ sinh tối đa không quá 04 người/lớp/buổi.

d) Khi lập đơn giá, dự toán kinh phí tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ lĩnh vực gia đình đơn vị được tính bổ sung các chi phí sau (nếu có):

- Chi phí in ấn tài liệu, giấy chứng nhận, giấy khen; nước uống giữa giờ.

- Chi phí thuê phòng nghỉ, chi phí tàu xe vận chuyển cho báo cáo viên, quản lý, nhân viên phục vụ; thuê xe học viên khảo sát thực tế.

- Chi phí điện, nước.

- Chi phí hỗ trợ kinh phí cho học viên không thuộc đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước (theo quy định hiện hành).

- Các chi phí phát sinh khác (nếu có): Căn cứ vào quy định hiện hành và thực tế hoạt động để đề xuất trong phương án giá, dự toán kinh phí để cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

đ) Các khoản chi phí thực tế, các dịch vụ thuê mướn khác thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Các nội dung chi trả dịch vụ thuê ngoài

nếu thuộc hạn mức phải đấu thầu thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

e) Tùy vào tình hình và điều kiện thực tế hoạt động đơn vị để đầu tư mua sắm tài sản cố định phù hợp (về chủng loại, chất lượng, số lượng) nhằm đáp ứng nhiệm vụ và thực hiện khấu hao theo quy định của nhà nước. Chi phí mua sắm, đầu tư tài sản cố định không thuộc chi phí trong định mức kinh tế - kỹ thuật này.

2. Bảng định mức kinh tế - kỹ thuật trong tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ lĩnh vực gia đình:

a) Định mức lao động

STT	Đối tượng	Đơn vị tính	Định mức		Ghi chú
			Số lượng	Số buổi	
1	Báo cáo viên	Người/buổi	1	1	Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐND, Nghị quyết số 32/2020/NQ-HĐND, Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND.
2	Quản lý lớp	Người/buổi	2	1	Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐND, Nghị quyết số 32/2020/NQ-HĐND, Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND.
3	Nhân viên phục vụ	Người/buổi	4	1	Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐND, Nghị quyết số 32/2020/NQ-HĐND, Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND.

b) Định mức cơ sở vật chất

STT	Tên cơ sở vật chất	Đơn vị tính	Định mức	
			Số lượng	Thời gian sử dụng
1	Hội trường tập huấn (bàn ghế, bục phát biểu)	Phòng/buổi	1	1
2	Hệ thống âm thanh (âm ly, loa, micro)	Bộ/buổi	1	1

c) Định mức thiết bị

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Định mức	
			Số lượng	Thời gian sử dụng
1	Máy vi tính (để bàn hoặc máy xách tay)	Bộ/buổi	1	1
2	Đầu chiếu, màn hình chiếu	Bộ/buổi	1	1
3	Bút trình chiếu	Bộ/buổi	1	1

d) Định mức vật tư

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Định mức		
			Số lượng	Tỷ lệ (%) thu hồi	Tiêu hao (%)
1	Phòng lớp tập huấn	m ²	15	0	100
2	Băng rôn	m ²	20	0	100
3	Hoa tươi trang trí khai mạc lớp	Bình	1	0	100

đ) Định mức chi phí khác: Thực hiện theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 6 của Quy định này.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì triển khai, hướng dẫn các đơn vị có liên quan áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng phương án giá, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ lĩnh vực gia đình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, căn cứ tình hình thực tế có vướng mắc, phát sinh, cơ quan đơn vị có liên quan phản ánh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung theo quy định./.